

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 07-5-2025
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hải.
- Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Đức L, năm sinh 1985; địa chỉ cư trú: Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H (còn có tên là K), sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2005; cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Anh Lê Minh T1, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phan Đức L, trình bày: Anh bắt đầu cho bà H vay

tiền vào ngày 02/4/2023, bà H vay 10.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản cho anh Lê Minh T1 là người quen của bà H, ghi nội dung chuyển tiền cho K (tên khác của bà H). Bà H không có sổ tài khoản, kêu chuyển vào sổ tài khoản anh T1. Bà H nói mượn đỡ mua xe cho con. Việc vay có thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng là 50.000 đồng/tháng (5%/tháng), việc thỏa thuận bằng miệng không có làm văn bản. Bà H có trả được 03 tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng, đến nay bà không trả gốc lãi. Đến tháng 5/2023, bà H và chị T (con của bà H) vay tiếp 20.000.000 đồng. Không rõ mục đích bà H vay để làm gì. Có làm biên nhận nhưng chỉ giữ bản photo (của bà H gửi qua ứng dụng Zalo) không giữ bản gốc. Việc giao tiền, ai nhận thì không nhớ, lãi suất 5%/tháng, không có làm văn bản. Khoản vay này bà H chưa trả gốc, còn lãi thì không nhớ có trả hay không. Đến ngày 19/5/2023, bà H vay thêm 70.000.000 đồng, có làm văn bản do bà H viết và ký tên, mục đích vay là để bà H đóng tiền nền nhà. Anh ghi biên nhận tại nhà bà H, bà H lằng tay ký tên, không có mặt chị T. Trong biên nhận không có ghi về lãi suất, thỏa thuận miệng 5%/tháng. Bà H không có trả gốc, đóng lãi được ngày nào. Ngày 07/7/2023, bà H vay tiếp 20.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản anh T1 ghi chuyển cho K, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng, không có làm văn bản, khoản vay này bà H chưa trả gốc và lãi. Ngày 08/8/2023, bà H vay tiếp 22.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản anh T1 ghi chuyển cho K, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng, không có làm văn bản, đến nay khoản vay này bà H chưa trả gốc và lãi. 05 khoản vay này có thỏa thuận miệng là trong vòng 01 năm trả lại gốc, nhưng bà H chỉ hứa mà không trả. Tổng cộng bà H vay của anh 142.000.000 đồng tiền gốc. Trong đơn khởi kiện anh yêu cầu bà H, chị T có nghĩa vụ trả lãi cho anh với mức lãi suất là 1,6%/tháng theo từng món vay. Có trừ tiền lãi 1.500.000 đồng mà bà H đã đóng, anh yêu cầu bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 176.816.000 đồng, trong đó nợ gốc 142.000.000 đồng và nợ lãi là 34.816.000 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục trả lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, anh L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền gốc 142.000.000 đồng và lãi 8.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng bà H và chị T vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh L, buộc bà H trả cho anh L số tiền vay còn nợ gốc 142.000.000 đồng và lãi 8.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho bà H và chị T là bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà H và chị T không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn là anh L đưa ra nên anh L không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] Tại phiên tòa, anh L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của BLTTDS.

[5] Xét việc anh L yêu cầu bà H trả số tiền vay còn nợ gốc 142.000.000 đồng và lãi 8.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng, là có căn cứ để chấp nhận, vì: Bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự: “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Theo chứng cứ mà anh L đưa ra thì việc cho vay không ghi rõ vay có lãi hay không có lãi, nếu có lãi thì lãi suất bao nhiêu, hạn trả nợ. Bà H không có mặt nên không thể tiến hành đối chất được. Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Số tiền lãi mà anh L yêu cầu

thấp hơn so với quy định. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh L, buộc bà H phải trả cho anh L số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà H phải chịu 7.500.000 đồng. Anh L không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 144, 147 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đức L.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Phan Đức L số tiền vay còn nợ 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng (Trong đó, nợ gốc 142.000.000 đồng và lãi 8.000.000 đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Nguyễn Thị H chịu 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

3.2. Trả lại cho anh Phan Đức L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.420.000 đồng theo Biên lai số 0014369 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 5 năm 2025); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú